

ĐỀN HÙNG VÀ TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

PGS. TS. ĐẶNG VĂN BÀI

1- Tín ngưỡng thờ tổ tiên và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là sự sáng tạo văn hóa độc đáo của Việt Nam

1.1- Trước tiên cần làm rõ nét văn hóa đặc sắc trong tín ngưỡng dân gian thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ.

- Triết lý/minh triết Việt trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là quan niệm “vạn vật hữu linh” và “con người có tổ tông, nòi giống” hay theo nguyên lý cặp đôi đối ngẫu: âm/dương, đực/cái, Rồng/Tiên... Đó là sự tự ý thức về dòng giống Rồng- Tiên, cội nguồn cao quý của dân tộc và do đó, tục thờ cúng Hùng Vương thực sự là tín ngưỡng bản địa/thuần Việt.

- Đối tượng được tôn vinh, thờ cúng tại đền Hùng, theo GS. Trần Quốc Vượng là “hiện tượng siêu tâm linh” của người Việt - Quốc Tổ Hùng Vương. “Đây không phải là Tổ riêng của một gia đình, riêng một dòng họ, riêng một xóm làng, thậm chí riêng một vùng, mà là Tổ của cả nước.

- Để duy trì và thực hành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, cha ông ta đã sáng tạo đồng thời hai loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Đó là hệ thống đền thờ Hùng Vương và lễ hội đền Hùng-ngày giỗ Tổ Hùng Vương, mà phạm vi ảnh hưởng đã lan tỏa ra khắp mọi vùng, miền đất nước.

- Hạt nhân tâm linh trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương còn được củng cố bằng các truyền thuyết, huyền thoại, thần phả và sắc phong mà tiêu biểu nhất là huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ, biểu tượng văn hóa cao đẹp về ý thức cội nguồn dân tộc.

- Nét độc đáo trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương thể hiện rõ trong quá trình hình thành và phát triển của nó. Đó là quá trình diễn tiến từ thấp đến cao và liên tục được vun bồi bằng các lớp văn hóa từ nhiều đời nay. Từ quan niệm triết lý “vạn vật hữu linh”, người Việt cổ đã lựa chọn thần Núi/Sơn thần làm đối tượng tôn thờ trên đỉnh núi thiêng Nghĩa Lĩnh và dần hình thành tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng Hùng Vương. Thế kỷ XIV - XV, nhà Lê mới bắt đầu cho soạn ngọc phả Hùng Vương và nâng cấp việc thờ cúng Hùng Vương thành cấp quốc gia. Đến thời Tây Sơn và thời Nguyễn, tín ngưỡng nói trên lại được nâng tầm hơn nữa bằng các sắc phong của triều đình, giao cho các làng quanh đền Hùng phải chăm lo việc thờ tự, cúng giỗ. Tính đặc sắc trong tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là ở khía cạnh từ sáng tạo/sáng kiến của cộng đồng cư dân làng xã dần được “nhà nước hóa”, bởi các triều đại phong kiến Việt Nam trong quá khứ và được thăng hoa lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh.

- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương không chỉ xuất phát từ ý thức cội nguồn dân tộc, nhu cầu cố kết cộng đồng, tạo ra sức mạnh đại đoàn kết của cả dân tộc để xây dựng và bảo vệ non sông, đất nước trước thiên tai, địch họa/nạn ngoại xâm, mà còn được hình thành và thăng hoa trên nền tảng lịch sử- cơ tầng văn hóa rực rỡ, với các di chỉ khảo cổ học Phùng Nguyên, đồng Đậu, gò Mun, Đông Sơn..., được phát triển trong khu vực đền Hùng, Phú Thọ và nhiều vùng miền khác ở Bắc Bộ.

“Người anh hùng văn hóa” Hùng Vương bước ra từ huyền thoại và truyền thuyết dân gian để nhập thân vào đời sống đương đại, nhưng không phải từ cõi hư vô. Theo phương pháp tiếp cận văn hóa học, huyền thoại và truyền thuyết là “hỏi quang” của lịch sử, không phải là hiện thực lịch sử mà là bóng dáng của lịch sử - chúng chứa đựng trong đó những hạt nhân lịch sử. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã rất minh triết khi nhận định: “Những truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lý tưởng hóa, gửi vào đó tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng, chấp đôi cánh của trí tưởng tượng và nghệ thuật dân gian làm nên những sáng tác văn hóa mà đời đời con người ưa thích”¹. Thực tế lịch sử cũng chứng tỏ truyền thuyết đã chấp cánh cho tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương thăng hoa và hằn sâu vào trong tâm thức các thế hệ người Việt Nam hàng ngàn đời nay. Điều đó khẳng định, đền Hùng, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và lễ hội đền Hùng có vị trí đặc biệt trong tâm thức chúng ta hôm nay, đồng thời còn được xếp vị trí hàng đầu trong hệ thống thần điện tối linh của Việt Nam. Nhìn lại hệ thống “Tứ bất tử” mà mọi người đã thừa nhận là bốn vị thần tối linh, ta thấy có đến ba vị thần (Tần Viên Sơn Thánh, Thánh Gióng và Thánh Chử Đồng Tử) có liên quan trực tiếp đến các vua Hùng (con rể, tướng lĩnh có công giúp dân, giúp nước) với những truyền thuyết phản ánh các biểu tượng văn hóa đặc sắc của Việt Nam. Do đó, Hùng Vương với tư cách là vị Quốc Tổ khai sáng, chắc chắn được xếp trên “Tứ bất tử” trong thần điện Việt.

1.2- Ngoài những nét văn hóa đặc sắc phân tích ở trên, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương còn phản ánh được những đặc điểm chung nhất trong các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của Việt Nam. Đó là niềm tin và sự sùng bái, thành kính đối với thần thánh hay các lực lượng siêu nhiên và siêu nhân, vào cuộc sống sau khi chết. Đó cũng là cơ sở để xác lập mối quan hệ và tác động qua lại giữa thần thánh và con người. Và do đó, niềm tin trong tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương nói riêng là sự mặc định, tự nguyện, thành kính coi là có thật, không đòi hỏi sự giải thích hay chứng minh khoa học. Tín ngưỡng dân gian luôn có mục tiêu trong sáng là hướng con người đến cái chân - thiện - mỹ. Vì thế, các hiện tượng tự nhiên và xã hội, các đối tượng được tôn thờ, các hoạt động

tín ngưỡng đều được nhận thức bằng trực giác, qua chiêm nghiệm, trải nghiệm mang tính cá nhân và duy trì, củng cố đức tin bằng các nghi thức lễ hội và cả bằng lý lẽ của con tim.

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có những đóng góp quan trọng cho việc thực hành các chức năng xã hội của văn hóa. Trước hết là các giá trị về nhận thức, giáo dục, đào luyện nhân cách văn hóa, định hướng hành vi con người, chuyển hóa các giá trị đạo đức thành hành động cho các cá nhân, các nhóm cộng đồng xã hội. Tiếp đến, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và lễ hội đền Hùng còn trực tiếp tác động đến việc hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Đó là “Lòng yêu nước nồng nàn, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”². Nhưng có lẽ, lòng yêu nước nồng nàn là truyền thống tốt đẹp nhất trong bảng giá trị văn hóa Việt Nam. Tuy rằng, yếu tố quyết định làm nên bản sắc văn hóa dân tộc, làm cho nó không giống các quốc gia, dân tộc khác phải là cả hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống, nhưng chỉ xét riêng lĩnh vực hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, thì đền Hùng đã là một hiện tượng văn hóa độc đáo của Việt Nam mà ta rất ít thấy ở các quốc gia khác. Trên thế giới, hiếm có loại hình tín ngưỡng dân gian nào tạo được sự đồng thuận và nhất quán giữa cộng đồng và nhà nước lại trải qua nhiều thể chế chính trị - xã hội như hiện tượng đền Hùng và lễ hội đền Hùng.

Có thể coi đây là đức tin tín ngưỡng thuần Việt đã vượt qua mọi thời đại để trở thành biểu tượng cho khát vọng trường tồn, độc lập tự chủ lâu dài, vĩnh viễn và ước mơ về sự phồn vinh của quốc gia, dân tộc. Còn thế hệ hôm nay phải sát cánh cùng nhau thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Vào thời điểm hiện tại, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã đạt tới đỉnh điểm của sự thăng hoa để trở thành ngày hội non sông, ngày hội của toàn dân (theo thống kê của Viện Văn hóa, Nghệ thuật Việt Nam, cả nước ta có tới 1.417 di tích thờ Hùng Vương và các nhân vật thời Hùng Vương. Điều đó chứng tỏ, tín ngưỡng thờ Hùng Vương là nhu cầu văn hóa - tâm linh có thực của người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, tín ngưỡng này

ngày càng khẳng định vị trí vững chắc trong đời sống xã hội đương đại. Đó là cơ sở khoa học để tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở đền Hùng, Phú Thọ được UNESCO xem xét và đưa vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, và trong chừng mực nào đó, góp mặt làm nên nét đa dạng văn hóa của thế giới.

2- Bảo tồn khu di tích lịch sử đền Hùng và lễ hội đền Hùng gắn với phát triển bền vững

2.1- Cơ sở pháp lý và khoa học cho các hoạt động bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (gọi tắt là di tích) nói chung và khu di tích lịch sử đền Hùng (gọi tắt là đền Hùng) nói riêng.

Theo thông lệ, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước bao giờ cũng được pháp điển hóa, cụ thể hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Trong "Lời mở đầu" của *Luật di sản văn hóa* năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nhà nước đã trình trọng công bố rõ hai mục tiêu cơ bản trong lĩnh vực di sản văn hóa là: "Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới" và "Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa"³. Bảo vệ và phát huy giá trị đền Hùng chắc chắn cũng phải hướng tới hai mục tiêu quan trọng nói trên bằng phương thức kết hợp hài hòa giữa hai mặt hoạt động: Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước và giáo dục di sản văn hóa, làm cho cộng đồng cư dân tỉnh Phú Thọ nói chung và các làng xã trong khu vực đền Hùng nói riêng nhận thức rõ trách nhiệm tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch bảo tồn cũng được coi là một trong những công cụ quản lý nhà nước có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Đó là lý do ngày 24/7/2001, Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã có Quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT, phê duyệt "Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020". Có nghĩa là, đến thời điểm hiện nay, khung pháp lý và khoa học trong Quy hoạch tổng

thể nói trên vẫn còn hiệu lực để chúng ta thực hiện. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng ta chỉ có thể trao đổi về những quan điểm khoa học cần được quán triệt trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị đền Hùng và lễ hội đền Hùng. Xin dẫn ra đây 4 quan điểm cơ bản đã được khẳng định trong Quy hoạch tổng thể nêu trên:

- Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh (sau đây gọi tắt là di tích) phải đảm bảo tính trung thực của lịch sử hình thành các di tích, không được làm sai lệch các giá trị và đặc điểm vốn có của nó, phải giữ gìn nguyên vẹn, không làm biến đổi những yếu tố cấu thành di tích, bảo đảm tính nguyên gốc của di tích;

- Bảo tồn phải gắn với phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích, với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sự phát triển của các ngành hữu quan, nhất là các ngành Du lịch, Giao thông công chính, Xây dựng... Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích nhằm đặt cơ sở pháp lý và khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành và địa phương (nghĩa là bảo tồn phải gắn kết và phục vụ cho phát triển - Đ.V.B);

- Tạo lập sự hài hòa giữa phát triển kinh tế, quá trình đô thị hóa với bảo vệ các di tích, ngăn chặn tình trạng lấn chiếm đất đai và xây dựng các công trình không phù hợp trong các khu vực bảo vệ của di tích;

- Nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, thực hiện xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích; huy động tối đa các nguồn lực trong nước và ngoài nước, nâng cao nhận thức và sự tham gia đóng góp của toàn xã hội trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích (xử lý mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước và cộng đồng - Đ.V.B).

Với tư cách là Phó ban, được trực tiếp tham gia xây dựng Quy hoạch tổng thể nói trên, nay nhìn lại tôi thấy, những quan điểm cơ bản của nó vẫn còn giá trị thực tiễn và phù hợp với các khuyến nghị trong các Công ước của UNESCO liên quan đến lĩnh vực di sản văn hóa và bắt kịp xu thế phát triển của các nước trên thế giới. Vấn đề đặt ra là, chúng ta sẽ hiện thực hóa các quan điểm đó như thế nào trong các quy hoạch cũng như dự án bảo vệ và phát huy giá trị đền Hùng ở Phú Thọ.

Theo số liệu của Cục Di sản văn hóa, chúng ta

đã phát hiện và thống kê được hơn 4 vạn di tích qua các đợt kiểm kê di tích trong cả nước. Còn theo tài liệu của Viện Văn hóa Nghệ thuật, cả nước ta có 1.417 di tích, trong đó riêng tỉnh Phú Thọ đã có hơn 100 di tích thờ vua Hùng và các nhân vật thời Hùng Vương. Con số thống kê nêu trên một mặt cho phép chúng ta tự hào về sự giàu có, phong phú và đa dạng trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Mặt khác, đó cũng là thách thức lớn lao mà thế hệ của chúng ta hôm nay phải cùng nhân dân Phú Thọ nỗ lực vượt qua. Với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước hiện nay, chúng ta không có khả năng đáp ứng yêu cầu, cùng một lúc bảo vệ tất cả 4 vạn di tích nói chung và hơn 1 ngàn di tích liên quan đến Hùng Vương nói riêng (dù Nhà nước có ưu tiên đầu tư lớn đến bao nhiêu và huy động được tối đa các nguồn lực trong xã hội). Phải khẳng định, mong muốn bảo vệ tất cả di tích là ảo tưởng và duy ý chí, vì việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích là hoạt động đòi hỏi nguồn vốn rất lớn, mà ngay cả các quốc gia giàu có cũng không thực hiện được. Giải pháp thích hợp nhất vẫn là nghiên cứu, phân loại và lựa chọn xếp hạng (di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh), đặt dưới sự bảo hộ của pháp luật các di tích có giá trị tiêu biểu và ưu tiên đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng theo trình tự ưu tiên trong Chương trình quốc gia có mục tiêu "chống xuống cấp, tôn tạo các di tích" mà Quốc hội và Chính phủ đã ủng hộ ngành chúng ta. Ở tất cả các quốc gia, xếp hạng di tích luôn được coi là "công cụ" quản lý hữu hiệu các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Và, đó cũng là thái độ ứng xử mà ta nên lựa chọn đối với các di tích liên quan tới tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng, tất nhiên là phải quan tâm trước hết đến khu di tích đền Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, tỉnh Phú Thọ. Lý do chủ yếu là vì tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng đã được UNESCO đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể của thế giới và đền Hùng chính là một trong mười di tích đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

Xét về bản chất, đền Hùng là không gian văn hóa - tâm linh mang tính chất lưu niệm "anh hùng văn hóa" Hùng Vương. Giá trị tiêu biểu của đền Hùng về cơ bản được hun đúc lại trong hạt nhân văn hóa - tâm linh là tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng và lễ hội đền Hùng. Cũng có nghĩa, chúng ta cần

quan tâm chủ yếu tới các giá trị văn hóa phi vật thể của đền Hùng.

Phương hướng chiến lược và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trong lễ hội đền Hùng, chúng ta có thể tìm thấy trong nội dung Điều 25 của Luật di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009: "Nhà nước tạo điều kiện duy trì và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống thông qua các biện pháp sau đây:

- 1- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức lễ hội;
- 2- Khuyến khích việc tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian truyền thống gắn với lễ hội;
- 3- Phục dựng có chọn lọc nghi thức lễ hội truyền thống;
- 4- Khuyến khích việc hướng dẫn, phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước ngoài về nguồn gốc, nội dung giá trị truyền thống tiêu biểu, độc đáo của lễ hội"⁴.

Đến đây, có thể khẳng định, chúng ta đang có đầy đủ cơ sở pháp lý và khoa học phù hợp với xu thế phát triển của thế giới để thực hành các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị của đền Hùng. Thế thì vì sao thời gian qua, trên các phương tiện thông tin đại chúng vẫn còn các ý kiến phản biện trái chiều nhau về hoạt động bảo vệ và phát huy di tích đền Hùng. Đây là câu hỏi tế nhị và phức tạp không thể lý giải hết trong khuôn khổ bài viết này. Tôi cho rằng, nguyên nhân chính là do cả cộng đồng (toàn xã hội và người dân Phú Thọ) và các phương tiện thông tin đại chúng chưa nhận thức sâu sắc, chính xác những nội dung được quy định trong Luật di sản văn hóa, cũng như ý thức tôn trọng pháp luật chưa cao, nên các ngành, các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, thậm chí vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà còn có những hành vi vi phạm Luật di sản văn hóa. Vấn đề đặt ra ở thời điểm hiện nay là, toàn dân phải thực sự tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật, để di sản văn hóa nói chung và di tích, lễ hội đền Hùng nói riêng được bảo vệ nghiêm túc và phát huy giá trị trong đời sống xã hội đương đại.

2.2- Bảo vệ và phát huy giá trị đền Hùng phải song hành và phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh Phú Thọ

Câu hỏi lớn đặt ra là, làm thế nào để các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của đền Hùng có thể trở thành những lực lượng vật chất thực sự cần thiết cho "công cuộc kiến thiết đất nước" và có tác



“Cướp lúa giống” trong hội làng Trẹo, thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ - Ảnh: Tư liệu Cục Di sản văn hóa

dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đây là nhiệm vụ không đơn giản, khó có thể giải quyết trong một thời gian ngắn. Chúng ta đang “mày mò”, thử nghiệm các giải pháp xử lý thỏa đáng những mâu thuẫn không tránh khỏi trong quá trình hội nhập và phát triển. Đó là những cặp mâu thuẫn giữa: kinh tế và văn hóa, phát triển và bảo tồn, truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế.

Về bản chất, tín ngưỡng thờ tổ tiên là quan niệm về sự có mặt của tổ tiên giữa con cháu - những người đang sống, cũng như sự hiện diện của quá khứ trong đời sống đương đại. Vì vậy, tín ngưỡng thờ tổ tiên được coi là “sợi dây” ràng buộc và liên kết giữa các thế hệ con người (người đã khuất - người đang sống - người sẽ sinh thành trong tương lai). Việc thực hành tín ngưỡng thờ Hùng Vương là thể hiện thái độ tôn vinh, kính trọng người đã khuất, thương yêu, hiếu thuận với người đang sống, tích lũy và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống trong lễ hội đền Hùng cho những lớp người kế tiếp, phải là mục tiêu lớn để chúng ta theo đuổi.

Tuy nhiên, di sản văn hóa phi vật thể nói chung và lễ hội đền Hùng nói riêng không chỉ gắn bó với các chủ thể văn hóa (cộng đồng cư dân khu vực

đền Hùng) mà còn hòa quyện vào không gian sinh thái - nhân văn, nơi di sản được sáng tạo ra và đang hiện diện, thực hành trong đời sống đương đại của cộng đồng. Điều đó có nghĩa là, tín ngưỡng thờ Hùng Vương cũng như lễ hội đền Hùng không “nhất thành bất biến”, chúng nhất thiết phải hàm chứa những nhân tố mang tính lịch sử, đồng thời phải mang hơi thở của thời đại mà chủ thể văn hóa cũng như chủ sở hữu di sản văn hóa đang sống, làm việc và tiếp tục sáng tạo. Do đó, tín ngưỡng thờ Hùng Vương và lễ hội đền Hùng đã được sáng tạo ra, đang được bảo lưu, phát huy giá trị và sẽ được chuyển giao qua nhiều thế hệ con người, là cả một quá trình sàng lọc, lựa chọn và sáng tạo không ngừng nghỉ. Các thế hệ kế tiếp nhau có quyền bình đẳng trong việc thừa hưởng các giá trị văn hóa truyền thống do cha ông để lại, đồng thời có trách nhiệm lựa chọn những gì là tinh hoa nhất để bảo tồn và chuyển giao cho các thế hệ sau. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các tinh hoa văn hóa, chúng ta còn phải luôn sáng tạo những giá trị văn hóa mới và bổ sung làm cho kho tàng di sản văn hóa của quốc gia ngày càng phong phú và đa dạng hơn. Tín ngưỡng thờ Hùng Vương và lễ hội đền Hùng mà chúng ta có trách

nhiệm bảo vệ chắc chắn cũng hàm chứa những dấu ấn sáng tạo qua nhiều giai đoạn lịch sử, chứ không thể là cái gì đó còn nguyên xi như lúc chúng mới được sáng tạo ra. Trong quá trình phát triển, sáng tạo hay còn gọi là “cải biên” các nghi thức gắn với tín ngưỡng thờ Hùng Vương và lễ hội đền Hùng, có cái chúng ta đã làm đúng, cũng có cái sai nhiều hoặc sai ít (cần kịp thời chỉnh sửa), nhưng nhất thiết phải sáng tạo và thích nghi cho phù hợp với nhu cầu xã hội hiện đại, nhất là nhu cầu của cộng đồng cư dân xung quanh đền Hùng (với tư cách là chủ thể văn hóa), thì mới được chấp nhận và tiếp tục tồn tại, phát triển trong tương lai. Còn ngược lại hoặc bảo thủ, cứng nhắc, duy ý chí, tất yếu sẽ bị đào thải, loại trừ, thậm chí tàn lụi. Lịch sử và văn hóa mãi mãi là như thế, không thể chấp nhận sự đông cứng và bất biến.

Bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống luôn phải hướng đến phục vụ phát triển, mà mục tiêu là phát triển con người. Còn sáng tạo lại được hiểu là sự đổi mới thường xuyên để tạo ra các giá trị mới mang tính hiện đại.

Hiện đại được hiểu là cái có ích, có giá trị, là thái độ ứng xử của thế hệ trước với thế hệ sau và ngược lại. Hiện đại còn là sự tích hợp “tính hiện đại”, các giá trị của nhiều thế hệ, của nhiều thành phần xã hội để làm nên cái hiện đại/cái đang hiện diện của đương thời và đặc biệt không được phép lẫn lộn giữa hiện đại hóa với phương Tây hóa. Sự lặp lại một sách sống sượng tất cả các yếu tố nước ngoài vào văn hóa Việt Nam chính là sự tha hóa.

Một mặt, phải “hiện đại hóa” yếu tố văn hóa truyền thống, tức là tạo cơ chế chính sách phù hợp để giá trị văn hóa truyền thống tìm được chỗ đứng, có sự sống trong xã hội đương đại và có thể phát triển trong tương lai, đồng thời có khả năng thỏa mãn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của xã hội mới. Yếu tố truyền thống phải trở thành nhu cầu gắn kết quá khứ, hiện tại và tạo cơ sở cho tương lai tiếp tục phát triển. Mặt khác, còn phải “truyền thống hóa” cái gọi là hiện đại, có nghĩa là mọi hoạt động sáng tạo giá trị văn hóa mới nói chung, các sản phẩm văn hóa, các loại hình dịch vụ du lịch ở đền Hùng nói riêng phải mang được hơi thở của thời đại, tiếp thu được yếu tố tiến bộ, thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới mà vẫn thấm đẫm bản sắc văn hóa dân tộc, không bị lai căng, rập khuôn một cách máy móc các mô hình văn hóa từ nước ngoài.

Từ quan điểm trình bày ở trên, chúng ta cần khắc phục một số khuynh hướng sai lệch trong thực hành tín ngưỡng thờ Hùng Vương và tổ chức lễ hội đền Hùng thời gian gần đây. Thứ nhất, chúng ta áp dụng máy móc các phương pháp tổ chức sự kiện văn hóa theo mô hình phương Tây để thu hút khách du lịch mà sao nhãng việc giáo dục di sản để cho cộng đồng hiểu rõ bản chất cốt lõi của tín ngưỡng thờ Hùng Vương cũng như các mặt giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của lễ hội đền Hùng. Thứ hai, trong chừng mực nào đó, chúng ta vẫn thiên về xu hướng “nhà nước hóa” và cả “quan phương hóa” lễ hội đền Hùng. Các cán bộ quản lý văn hóa, các nhà khoa học chưa thực sự tôn trọng và đánh giá đúng mức vai trò của cộng đồng cư dân địa phương (người dân xã Hy Cương và người dân Phú Thọ), vì thế các hình thức sinh hoạt lễ hội thường bị áp đặt từ trên xuống mà không phải là sáng kiến từ dưới lên, đặc biệt là hiện tượng “sân khấu hóa” theo một kịch bản lễ hội (do các công ty tổ chức sự kiện đề xuất mà không có ý kiến của các nhà nghiên cứu am hiểu về đền Hùng và chưa có ý kiến đồng thuận của cộng đồng). Thứ ba, do quá chú trọng đến việc tổ chức lễ hội trong dịp mừng 10 tháng Ba hàng năm tại khu vực đền Hùng mà chưa thực sự khuyến khích, hỗ trợ và hướng dẫn cho cộng đồng cư dân các địa phương có đền, đình thờ Hùng Vương với tư cách kép là Thành hoàng làng/Quốc Tổ khai sáng. Tôi nghĩ rằng, nếu chúng ta tạo lập được sự cân bằng trong việc tổ chức lễ hội tại núi Nghĩa Lĩnh cũng như tại hơn 100 đình, đền thờ Hùng Vương trong địa bàn tỉnh Phú Thọ, thì công tác bảo vệ và phát huy giá trị đền Hùng, sẽ có hiệu quả lớn hơn.

2.3- Tổ chức du lịch đúng hướng để góp phần phát huy giá trị khu di tích đền Hùng

Du lịch là hoạt động cao cấp của con người, hướng tới mục tiêu thỏa mãn nhu cầu cảm nhận, hưởng thụ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể do con người sáng tạo ra ở ngoài khu vực cư trú thường xuyên. Về bản chất, văn hóa là nội dung đích thực của du lịch. Di sản văn hóa là điều kiện và cũng là môi trường để phát triển du lịch, có vai trò quyết định quy mô, thể loại, chất lượng và hiệu quả phát triển du lịch. Ngược lại, du lịch góp phần quan trọng vào việc phát huy giá trị của di sản văn hóa, đồng thời tạo lập tiền đề vật chất, nguồn thu để tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa. Vì thế, nói

bảo tồn tín ngưỡng thờ Hùng Vương và lễ hội đền Hùng gắn với phát triển bền vững cũng bao hàm cả nội dung phát triển du lịch.

Văn hóa du lịch là sử dụng, khai thác các giá trị văn hóa truyền thống phục vụ phát triển du lịch và làm cho du lịch có chất văn hóa hơn. Mặt khác, văn hóa du lịch còn là sự kết hợp giữa hai mục tiêu kinh doanh và văn hóa, làm cho các sản phẩm du lịch có hàm lượng trí tuệ và văn hóa cao hơn. Và, theo đó, giá trị sản phẩm du lịch cũng được nâng lên. Văn hóa du lịch đặt ra yêu cầu nghiên cứu, phát hiện các giá trị văn hóa tiêu biểu của đền Hùng để phục vụ cho du khách. Đồng thời, văn hóa du lịch lại góp phần giáo dục di sản văn hóa cho cộng đồng (cộng đồng cư dân địa phương, du khách đến các điểm du lịch và người kinh doanh du lịch, người làm dịch vụ du lịch) phải có thái độ ứng xử văn hóa với môi trường thiên nhiên, môi trường sinh thái - nhân văn cũng như các giá trị văn hóa của đền Hùng (không xả rác, làm ô nhiễm môi trường, không tác động là hư hại di tích, không chặt, chém, đeo bám, ép giá đối với du khách...). Cuối cùng, văn hóa du lịch là nhân tố tạo ra hình ảnh tốt đẹp của đất nước chúng ta trong lòng du khách và xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia. Nhìn từ góc độ kinh tế, một sản phẩm du lịch văn hóa bao giờ cũng có các mặt giá trị cơ bản là: giá trị văn hóa, giá trị sử dụng và giá trị kinh tế. Tính vượt trội của sản phẩm du lịch văn hóa dưới dạng di sản văn hóa và bảo tàng là ở chỗ có thể khai thác lâu dài, phục vụ cho nhiều loại du khách và bán được nhiều lần, cho nhiều người. Bởi vì sản phẩm du lịch văn hóa là loại hàng hóa đặc biệt, chỉ mua và khai thác giá trị sử dụng mà không được sở hữu sản phẩm.

Với trường hợp đền Hùng, chúng ta nên lựa chọn hai hình thức du lịch cơ bản là du lịch văn hóa và du lịch tâm linh/hành hương về cội nguồn. Ngành du lịch đã xác định: "Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hóa dân tộc, với sự tham gia của cộng đồng, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống"⁵. Còn du lịch tâm linh là sự kết hợp hai hình thức hành hương và du lịch đến những điểm thắng tích, các không gian văn hóa - linh thiêng, mà đền Hùng là trường hợp điển hình.

Bản chất của du lịch tâm linh là hướng thượng/hướng thiện, là tạo cơ hội cho du khách thực hành trải nghiệm và sống trong môi trường

thanh tịnh, để được chiêm bái, cầu nguyện, tu tập kết hợp với thư giãn, chăm sóc thân và tâm của mỗi cá nhân. Tiến sĩ A.P.J. Abdul Kalam, cựu Tổng thống Ấn Độ có nhận xét rất minh triết về du lịch tâm linh. Theo ông: "Du lịch tâm linh hoàn toàn khác với việc tham quan các địa danh và ngắm nhìn các chiều kích vật lý. Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng trái tim và tâm trí của các bậc hiền triết"⁶. Quan điểm này hoàn toàn đúng với trường hợp đền Hùng và lễ hội đền Hùng.

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra với tốc độ dồn dập, đời sống vật chất càng được cải thiện, xã hội càng hiện đại, đã xuất hiện một xu hướng mới là, con người có nhu cầu rất đa dạng trong đời sống tinh thần, nhằm cân bằng với cuộc sống xô bồ, trần tục. Và, du lịch tâm linh, trong chừng mực nào đó có thể đáp ứng được nhu cầu đó của nhân loại. Đức Đạt La Lạt Ma - thủ lĩnh tinh thần của Phật giáo Tây Tạng đã thật chí tình khi viết: "Cơ hội tham quan các điểm hành hương của các truyền thống văn hóa khác đã giúp tôi nhận chân rằng, du lịch tâm linh đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi lớn sự hiểu biết và thiết lập sự hòa hợp liên tôn. Tôi tin tưởng rằng, chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn nữa để đảm bảo rằng, các tôn giáo lớn trên thế giới sẽ liên kết tiềm năng con người lại, nhằm phục vụ nhân loại và cứu sống hành tinh chúng ta một cách tốt đẹp hơn. Đồng thời, thông qua đó, chúng ta cùng nỗ lực giảm thiểu tối đa các xung đột dưới danh nghĩa tôn giáo"⁷.

Đối với chúng ta, du lịch tâm linh/hành hương về đền Hùng là cơ hội tiếp cận và trải nghiệm sự tích hợp các tầng "ký ức lịch sử" của nhiều thế hệ người Việt Nam về cội nguồn cao quý dân tộc/cha Rồng - mẹ Tiên, về vị Quốc Tổ khai sáng quốc gia, dân tộc. Hành hương về đền Hùng, chúng ta còn cơ hội tiếp cận các giá trị văn hóa truyền thống trong tín ngưỡng thờ tổ tiên và lễ hội đền Hùng để tự thanh lọc thân/tâm mình và để nuôi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng biết ơn, tôn kính với tổ tiên/hướng vào mục tiêu vun bồi tâm trí theo tinh thần minh triết Việt.

Khi chúng ta xây dựng các dự án phát triển du lịch tâm linh/hành hương về đền Hùng, chúng ta sẽ đạt được nhiều mục tiêu đặt ra:

- Tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ du lịch mang sắc thái địa phương và phù hợp với điều kiện tự

nhiên và văn hóa - xã hội của Phú Thọ;

- Có khả năng thu hút nhiều đối tác tham gia du lịch (người dân địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và du lịch, các công ty lữ hành, các tổ chức xã hội và khách du lịch);

- Cộng đồng cư dân địa phương được tôn trọng, tự nguyện tham gia hoặc chịu trách nhiệm ra quyết định về các đối tượng cần bảo vệ, các giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị đền Hùng phục vụ du lịch và chia sẻ lợi ích từ phát triển du lịch;

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cộng đồng cư dân địa phương, các đối tác kinh doanh du lịch và du khách trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

“Bảo tàng hóa” di sản văn hóa trong cộng đồng là phương thức hoạt động có khả năng đạt mục tiêu kép: bảo tồn di sản văn hóa và sáng tạo được những sản phẩm du lịch đặc sắc phục vụ phát triển di sản văn hóa và du lịch tâm linh ở đền Hùng. Bảo tàng hóa di sản văn hóa được hiểu là phương pháp tối ưu và hiện đại nhằm bảo vệ và phát huy di sản văn hóa (biến thành bảo tàng tại chỗ ở ngoài trời), trực tiếp ngay trong môi trường sinh thái - nhân văn/nơi di sản văn hóa được sáng tạo ra (trong lòng cộng đồng) và hiện đang tồn tại, được thực hành, đồng thời gắn bó mật thiết với đời sống thường nhật của các chủ thể văn hóa/các cộng đồng cư dân địa phương xung quanh đền Hùng. Đối tượng được chính cộng đồng “bảo tàng hóa” bao gồm:

- Di sản văn hóa vật thể (đền Hùng và các đình, đền thờ Hùng Vương ở trong vùng) và di sản văn hóa phi vật thể (lễ hội, nếp sống, phong tục tập quán của cộng đồng cư dân);

- Môi trường sinh thái - nhân văn/nơi di sản văn hóa được sáng tạo ra và hiện đang tồn tại, lưu giữ;

- Bản thân cộng đồng cư dân địa phương các làng quanh đền Hùng với tư cách là chủ thể sáng tạo, nắm giữ, thực hành, truyền dạy, bảo tồn di sản văn hóa, vừa là đối tượng được bảo tàng hóa.

Bảo tàng hóa di sản văn hóa trong cộng đồng được khuyến khích vì nó hỗ trợ, hướng dẫn, giúp cho các chủ thể văn hóa tự biết cách bảo vệ, giới thiệu và duy trì di sản văn hóa của mình một cách có lợi nhất cho cộng đồng. Đó cũng là phương pháp phát triển cộng đồng theo nghĩa: Nhà nước, các nhà khoa học, các công ty lữ hành, các doanh nghiệp hỗ trợ (kinh phí, hướng dẫn, đào tạo nâng

cao năng lực...) để cộng đồng tự nỗ lực giải quyết những vấn đề của chính mình.

Mục tiêu bảo tàng hóa tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và lễ hội đền Hùng trong lòng cộng đồng nhằm:

- Giữ gìn nguyên vẹn và đầy đủ di sản văn hóa của các làng xã;

- Khai thác và phát huy có hiệu quả di sản văn hóa của các làng xã nhằm phục vụ cho phát triển con người và phát triển du lịch;

- Góp phần bảo vệ và xây đắp môi trường sinh thái - nhân văn bền vững ở khu vực đền Hùng⁸.

Trường hợp ngược lại, nếu phát triển du lịch một cách tự phát, thiếu kiểm soát chặt chẽ từ phía các cơ quan quản lý nhà nước, sẽ rất khó ngăn chặn và khắc phục các hiện tượng tiêu cực mà vừa qua, các phương tiện thông tin đại chúng đã đề cập như: xẻ núi lấy đất bán cho người dân san lấp mặt bằng, xây dựng trái phép miếu thờ tư nhân của các đại gia trong khu vực bảo vệ di tích, hoặc hành hương về đền Hùng mà không biết cách thực hành nghi lễ tín ngưỡng thờ Hùng Vương, chỉ thiên về cầu cúng được “buôn may, bán đắt”, được “lên chức, thăng quyền”, hoặc vì lợi ích vật chất trước mắt mà thực thi nhiều hành vi trái pháp luật.

Trái lại, phát triển du lịch bền vững tại khu di tích đền Hùng là thiết thực góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, cũng tức là thực hiện phương châm bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển, làm cho di sản văn hóa khẳng định được vị trí trong đời sống xã hội đương đại./.

D.V.B

Chú thích:

1- Phạm Văn Đồng, “Nhân ngày giỗ Tổ Hùng Vương”, *Báo Nhân dân*, ngày 29 tháng 4 năm 1969.

2- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3- Luật di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2009, tr. 31.

4- *Sđđ*, Tr. 44.

5- Hoàng Trí Dũng, *Luật du lịch*, Nxb. Hồng Đức, H, 2008, Tr. 9.

6- Trích lại từ “*Du lịch tâm linh*” của Lê Quang Đức.

7- Trích lại từ “*Du lịch tâm linh*” của Lê Quang Đức.

8- Đặng Văn Bài - Nguyễn Hữu Toàn, *Bảo tàng hóa di sản văn hóa làng*, H, 2006, Tr. 135.